

QUAN HỆ GIỮA TƯ DUY GIÁO DỤC VÀ LỐI SỐNG

LÊ THỊ LAN^(*)
ĐỖ VIỆT HÀ^(**)

Cải cách giáo dục hiện đại ở Việt Nam bắt đầu từ những năm cuối thập niên 90 của thế kỷ XX đến nay. Cuộc cải cách này bắt đầu từ bậc tiểu học và đã đi trọn một vòng đến hết bậc phổ thông trung học. Đã đến lúc các nhà hoạch định chương trình cải cách phải tổng kết những thành công và thất bại của chương trình cải cách giáo dục phổ thông này và rút ra những bài học cho thực tiễn giáo dục tại Việt Nam hiện nay. Trong khi chờ đợi một sự đánh giá chính thức, toàn diện và thẳng thắn từ giới hữu quan, chúng ta vẫn phải nhìn nhận một sự thật rằng cuộc cải cách giáo dục này đang sa lầy vào những thay đổi vụn vặt và mất phương hướng bởi sự bất cập trong tư duy giáo dục khi xây dựng dự án chiến lược cải cách. Hơn lúc nào hết, chúng ta cần xem xét lại những vấn đề lý luận căn bản nhất về khái niệm giáo dục, tư duy giáo dục, mối quan hệ giữa tư duy giáo dục và lối sống nhằm xây dựng một nhận thức đúng đắn làm cơ sở cho đường lối giáo dục phù hợp với mục tiêu phát triển dân tộc.

1. Giáo dục và tư duy giáo dục

Giáo dục là một lĩnh vực quan trọng của đời sống xã hội. Hiểu theo nghĩa rộng, có xã hội là có giáo dục

Từ trước tới nay, chúng ta vẫn hiểu giáo dục theo nghĩa hẹp như là sự truyền dạy tri thức trong nhà trường. Thực tế, giáo dục có nghĩa rộng hơn rất nhiều. Nhà triết học thực dụng John Dewey đã đưa ra một khái niệm mở về giáo dục. Đứng về mặt bản thể luận, giáo dục đồng nghĩa với việc truyền dạy sự sống - kinh nghiệm từ thế hệ này qua thế hệ khác nhằm bảo vệ, duy trì sự sống của cộng đồng, dân tộc. Mỗi một cộng đồng, mỗi một dân tộc chỉ có thể duy trì sự tồn tại và phát triển cộng đồng, dân tộc mình thông qua việc truyền dạy kinh nghiệm sống từ thế hệ này qua thế hệ khác. Nhờ quá trình truyền dạy này, cộng đồng, nhóm xã hội

(*) PGS. TS. triết học, Viện Thông tin KHXH.

(**) ThS., Khoa Lý luận chính trị, Trường Cao đẳng Kinh tế-Công nghiệp Hà Nội.

được tự khôi phục. Ông cho rằng “giáo dục, hiểu theo nghĩa rộng nhất, là phương tiện duy trì tính liên tục trên (của kinh nghiệm- người dẫn) về mặt xã hội” (8, tr.18)^(*). Điều đó nghĩa là, mỗi con người sinh ra trong xã hội đã đương nhiên đảm trách nghĩa vụ duy trì sự sống-kinh nghiệm của cộng đồng và sự sống-kinh nghiệm đó phải được tiếp tục ở thế hệ tiếp nối bằng phương tiện giáo dục để đảm bảo khi người đó từ già cõi đời, sự sống-kinh nghiệm của cộng đồng vẫn được tiếp tục. Chính vì thế, giáo dục là điều tất yếu như cuộc sống. Quá trình giáo dục có thể diễn ra trong gia đình và ngoài xã hội. Một cộng đồng càng mạnh thì nhu cầu giáo dục càng lớn, ý thức xã hội về giáo dục càng cao và giáo dục càng là công việc bắt buộc của xã hội.

Theo John Dewey, giáo dục và đời sống xã hội là một quá trình kép, “không chỉ đời sống xã hội cần đến việc dạy và học để tồn tại lâu bền, mà bản thân quá trình các thành viên sống chung với nhau trong một xã hội đã là sự học tập rồi. Quá trình ấy sẽ mở rộng và soi sáng kinh nghiệm” (8, tr.22). Từ định nghĩa về giáo dục như trên, John Dewey xác định hai phương thức giáo dục rõ rệt là “giáo dục diễn ra trong quá trình con người sống chung với nhau- không ai thoát ra khỏi quá trình giáo dục này...; và giáo dục có chủ đích dành cho trẻ em. Ở trường hợp thứ nhất, giáo

dục mang tính chất ngẫu nhiên; tuy nó diễn ra tự nhiên và có vai trò quan trọng, nhưng việc giáo dục đó không phải là lý do rõ ràng của cộng đồng... Như vậy, bên trong tiến trình giáo dục, hiểu theo nghĩa bao trùm mà chúng ta đang đề cập tới, ta đi đến chỗ phân biệt một kiểu giáo dục chính thức hơn- nghĩa là, giáo dục được thực hiện trực tiếp bởi người thầy hoặc thông qua nhà trường” (8, tr.24). Xã hội càng phát triển, hệ thống giáo dục chính thức càng mang tính quyết định trong việc truyền bá mọi tri thức và thành tựu từ thế hệ này sang thế hệ khác, và càng là phương thức cơ bản của giáo dục. Nhờ hệ thống giáo dục chính thức này, trẻ em chiếm lĩnh được những tri thức dưới dạng sách vở và các biểu trưng. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển ngày càng cao của xã hội, khi đó, sự tách biệt giữa phương thức giáo dục chính thức và giáo dục ngẫu nhiên, giữa tri thức thực tiễn và tri thức lý thuyết càng lớn. Sự tách biệt này khiến cho những tri thức được truyền dạy trong nhà trường và tri thức thực tiễn của cuộc sống ngày càng trở nên xa lạ với nhau. Và trẻ em, những người thụ hưởng và là đối tượng trực tiếp của cả nên giáo dục chính thức và ngẫu nhiên càng đứng trước vấn nạn hấp thu và sử dụng các tri thức khoa học-kinh nghiệm sống trong một thể thống nhất. Từ đó xuất hiện đòi hỏi khách quan trong quá trình giáo dục là phải có một phương thức nào đó duy trì sự cân bằng, hay tìm ra một sự thống nhất giữa giáo dục không chính thức và giáo dục chính thức.

Khái niệm giáo dục mà John Dewey đưa ra như trên gợi mở cho chúng ta ba vấn đề lớn cần giải quyết về mặt lý

^(*)Trong cách hiểu khái niệm kinh nghiệm của John Dewey, kinh nghiệm với cùng hàm nghĩa phong phú như đối với từ “sự sống”, và sự sống được hiểu bao hàm “phong tục tập quán, các thiết chế, niềm tin, thắng lợi và thất bại, giải trí và các nghệ nghiệp”. Và như vậy, khái niệm kinh nghiệm, sự sống có hàm nghĩa tương tự khái niệm văn hoá trong Tuyên bố của UNESCO về Đa dạng văn hoá ngày 10/2/2011.

luận: 1- Nhận thức về giáo dục như một quá trình duy trì và phát triển cộng đồng thông qua truyền dạy và truyền đạt kinh nghiệm sống; 2- Luôn luôn có hai phương thức giáo dục song song tồn tại: giáo dục chính thức thông qua trường học và giáo dục ngẫu nhiên qua môi trường giao tiếp xã hội; 3- Xã hội càng phát triển thì phương thức giáo dục chính thức càng phát triển, dẫn tới nguy cơ tách biệt giữa tri thức lý luận và kinh nghiệm thực tiễn càng lớn, đòi hỏi một phương thức cân bằng và thống nhất giữa hai loại tri thức đó. Đó cũng chính là ba vấn đề mà tư duy giáo dục hiện đại phải giải quyết.

Tư duy giáo dục

Tư duy giáo dục được hiểu như suy tư về bản chất, chức năng, vai trò của giáo dục và phương thức thực hiện các phương diện đó của giáo dục trong đời sống xã hội. Như quan điểm giáo dục của John Dewey đã được đề cập ở phần trên, bản chất giáo dục như một tất yếu của sự sống, chức năng trao truyền tri thức-kinh nghiệm sống và vai trò duy trì và phát triển sự sống (ngoài ý nghĩa sinh học) của giáo dục trong đời sống xã hội là không thay đổi. Tuy nhiên, cái thay đổi chính là phương thức thực hiện những phương diện đó của giáo dục. Tùy thuộc vào tính chất thời đại, đặc trưng của phương thức sản xuất và sự tiến bộ của khoa học công nghệ mà phương thức giáo dục được xây dựng phù hợp với mục đích giáo dục của thời đại đó. Điều mà các nhà hoạch định đường lối giáo dục cần quan tâm và phải đạt tới là tìm ra phương thức giáo dục phù hợp với xu hướng phát triển của thời đại và thiết lập hệ thống giáo dục tương ứng.

Trong thời phong kiến, với nền sản xuất nông nghiệp giản đơn thì phương thức giáo dục là trực tiếp, trực quan trong nhóm nhỏ như giữa thầy và một số ít học trò hay trong các thành viên của gia đình. Giáo dục trong thời kỳ này ít tính xã hội hoá. Ngay cả hệ thống giáo dục khoa cử của Nho giáo, tuy được nhà nước thể chế hoá và cố định hoá qua cả ngàn năm thì nền giáo dục này cũng chỉ giới hạn trong khuôn khổ một số ít dân cư và những tri thức trao truyền trong nhà trường Nho giáo chỉ mang tính thực tiễn chính trị Á Đông và không thể ứng dụng trong mọi lĩnh vực xã hội. Tuy nhiên, phương thức giáo dục này là phù hợp với môi trường sống của cư dân nông nghiệp được quy định bởi phương thức sản xuất mà Marx gọi là “phương thức sản xuất châu Á”, đáp ứng nhu cầu đào tạo tầng lớp quan lại quản lý xã hội đủ năng lực duy trì chế độ phong kiến trung ương tập quyền, đáp ứng mục đích giáo dục dân chúng tuân thủ một nền đạo đức với các giá trị nền tảng là trung quân, nhân nghĩa, xây dựng một lối sống thuần hậu theo chuẩn mực của nền chính trị phong kiến.

Sang thời hiện đại, đất nước ta trải qua hai thời kỳ lệ thuộc Pháp, Mỹ và hai cuộc chiến trường kỳ giành độc lập dân tộc và thống nhất đất nước. Phương thức sản xuất công nghiệp được du nhập và thiết lập một cách méo mó và khập khiễng do mục đích vì lợi ích của chủ nghĩa thực dân cùng với những tác động toàn diện của chiến tranh đã khiến xã hội Việt Nam trước năm 1975 phân hoá theo những chiều hướng trái ngược. Mặc dù vậy, phương thức giáo dục chính thống thông qua hệ thống trường học theo mô hình phương Tây đã được xác

lập, củng cố và phát huy tác dụng. Tri thức khoa học kỹ thuật, trình độ tư duy lý luận, phương pháp dạy và học khoa học, phương pháp làm việc, ứng dụng khoa học vào thực tiễn lao động sản xuất.....được truyền dạy trong nhà trường chính quy đã làm thay đổi hoàn toàn diện mạo đời sống tri thức đất nước, tác động sâu sắc tới đời sống xã hội và làm thay đổi hẳn lối sống của người dân theo hướng ngày càng coi trọng các giá trị tri thức khoa học, dân chủ, công nghệ trong đời sống thực tiễn. Yếu tố duy lý, hiệu quả, thực dụng, hiện sinh đã chiếm những tỉ trọng nhất định, bên cạnh yếu tố duy tình, kinh nghiệm chủ nghĩa phổ biến trong lối sống. Sự thành công của hệ thống giáo dục theo mô hình phương Tây đề cao tính khoa học, duy lý, thực dụng, hiệu quả đã đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực có tri thức, có năng lực thực tiễn trong nền kinh tế hàng hoá và quản lý xã hội.

Trong giai đoạn này, giáo dục Việt Nam không những theo kịp mà còn dẫn đường cho sự chuyển đổi nền kinh tế từ nền kinh tế nông nghiệp tự cấp tự túc sang nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và tư bản chủ nghĩa ở miền Nam nhờ sự tiếp cận với những thành tựu khoa học giáo dục tiên tiến của thế giới. Đồng thời, do khoảng cách về phương pháp và tư duy giáo dục giữa giáo dục chính thức và phi chính thức không lớn, do gia đình vẫn giữ vai trò quan trọng trong giáo dục xã hội, nhất là về giáo dục đạo đức, văn hoá, dù giáo dục đã mang tính xã hội hoá cao, đã khiến cho tính đồng nhất giữa giáo dục chính thức và phi chính thức được duy trì ở mức độ nhất định. Điều đó khiến nhà trường và xã hội có những tiếng nói

chung trong vấn đề giáo dục. Đây chính là giai đoạn giáo dục chính thức đạt được nhiều thành tựu và phát huy vai trò to lớn vào xây dựng và phát triển xã hội thông qua chức năng trao truyền tri thức sống và hiệu quả của sự trao truyền đó. Tư duy giáo dục khoa học là đặc điểm nổi bật của nền giáo dục Việt Nam thời kỳ trước thống nhất.

Khoảng ba mươi năm trở lại đây, việc xây dựng những mục tiêu giáo dục phù hợp với giai đoạn phát triển mới của đất nước đòi hỏi tư duy giáo dục một lần nữa phải thay đổi. Tuy nhiên, sự thay đổi tư duy giáo dục lần này khó khăn hơn lần trước rất nhiều bởi những thách thức của thời đại. Những thách thức này không chỉ có mặt ở các nước đang phát triển như Việt Nam mà ở cả các nước đã phát triển trên thế giới trong bối cảnh khoa học công nghệ hiện đại, hệ thống Internet và quá trình toàn cầu hoá tác động làm thay đổi diện mạo toàn bộ thế giới. Khoa học hiện đại và công nghệ thông tin dẫn tới sự đảo lộn triệt để phương pháp giảng dạy truyền thống và phương thức trao truyền tri thức đã phát sinh nhiều hình thức mà những thế hệ thiếu tri thức tin học không thể hình dung nổi. Dường như vai trò của nhà trường đã trở nên lu mờ hơn trước rất nhiều bởi những hệ thống trao truyền tri thức phi nhà trường dẫn tới sự khó khăn tột độ trong kiểm soát chất lượng giáo dục. Xã hội đứng trước những thách thức to lớn trong việc xác định mục tiêu, phương pháp và chất lượng của giáo dục hiện đại. Việt Nam không nằm ngoài thách thức này, thậm chí còn chịu áp lực lớn hơn bởi sự tụt hậu về tri thức khoa học so với sự phát triển chung của thế giới. Thách thức đó

càng đòi hỏi các nhà hoạch định chiến lược phải có một tư duy giáo dục mới hoàn toàn, đảm bảo xây dựng được đường lối giáo dục ngang tầm thời đại, đáp ứng được mục đích giáo dục của đất nước đặt ra trong thời đại mới: giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực đủ điều kiện về năng lực nghề nghiệp và phẩm chất đạo đức đảm đương được sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, trở thành một nước phát triển. Tư duy giáo dục mới phải được xây dựng dựa trên những căn cứ lý luận và thực tiễn nền tảng về:

- Sự đánh giá chính xác lại toàn bộ nền giáo dục trước đó;

- Sự xác định những mục tiêu giáo dục đảm bảo tính lâu dài và phù hợp với xu hướng phát triển khách quan của đất nước trong tương quan với chiều hướng vận động thế giới;

- Sự xây dựng đường lối giáo dục rõ ràng và khoa học;

- Sự xác định phương thức giáo dục phù hợp với đường lối và mục tiêu giáo dục trên cơ sở vận dụng tri thức khoa học và công nghệ tiên tiến để xây dựng các hình thức giáo dục mới.

Chỉ có tư duy giáo dục được hình thành trên những nền tảng nhận thức như vậy mới đủ sức dẫn dắt một nền giáo dục chính thức bắt kịp với yêu cầu của cuộc sống hiện đại và của sự phát triển đất nước trong thời đại mới.

2. Quan hệ biện chứng giữa tư duy giáo dục với lối sống của con người

Trong giới nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn hiện nay vẫn còn chưa đi tới một sự thống nhất về cách hiểu phạm trù lối sống. Tùy thuộc mỗi góc độ

chuyên ngành mà các nhà nghiên cứu có cách tiếp cận khác nhau đối với phạm trù này và đưa ra những định nghĩa khác nhau. Đã có ít nhất là 7 định nghĩa của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước về lối sống (theo: 9). Mặc dù vậy, cả 7 định nghĩa trên dường như vẫn chưa đáp ứng được như một định nghĩa chuẩn về lối sống khả dĩ làm công cụ nhận thức và nghiên cứu về lối sống. Tuy nhiên, từ cách tiếp cận đa chiều văn hoá chủ quan và tương tác khách quan của lối sống trong mối liên hệ đồng đại và lịch đại của nó, có thể chấp nhận định nghĩa sau: “Lối sống của con người là các chiều cạnh chủ quan của văn hoá, là quá trình hiện thực hoá các giá trị văn hoá thông qua hoạt động sống của con người. Lối sống bao gồm tất cả những hoạt động sống và phương thức tiến hành các hoạt động sống được một bộ phận lớn hoặc toàn thể nhóm hay cộng đồng người chấp nhận và thực hành trong một khoảng thời gian tương đối ổn định, đặt trong mối tương tác biện chứng của các điều kiện sống hiện hữu và trong các mối liên hệ lịch sử của chúng” (xem thêm: 9).

Với định nghĩa về lối sống như trên, chúng ta có thể sử dụng làm công cụ nhận thức để phân loại một số lối sống.

Nhìn lại lịch sử Việt Nam, chúng ta thấy trước thế kỷ XX, toàn dân tộc có lối sống của nông dân, dựa trên cơ sở phương thức sản xuất nông nghiệp tự túc tự cấp. Tư duy kinh nghiệm, cách ứng xử duy tình, tính cố kết cộng đồng, làng xã, cục bộ địa phương, đề cao các giá trị đạo đức Nho giáo,... là những đặc điểm nổi bật của lối sống người Việt dưới thời phong kiến. Đi sâu vào cách tiếp cận đồng đại, chúng ta có thể phân

biệt những mẫu lối sống của bốn nhóm xã hội khác nhau: sĩ, nông, công, thương. Nhưng nhìn tổng thể, với hơn 90% dân số là nông dân với trình độ canh tác kinh nghiệm chủ nghĩa và những điều kiện sống nghèo nàn, lạc hậu thời phong kiến thì lối sống bao trùm với những đặc điểm nêu trên là phổ biến. Nền giáo dục Nho giáo coi trọng việc giáo dục thuần phong mỹ tục dựa trên các giá trị đạo đức Nho giáo, hướng con người vào khuôn khổ trật tự đẳng cấp xã hội, đã góp phần củng cố và duy trì lối sống nông dân nêu trên qua nhiều thế kỷ. Tầng lớp sĩ (người có học vấn Nho học, tầng lớp tinh hoa của xã hội nông nghiệp Việt Nam) được đào tạo theo tiêu chuẩn của nền giáo dục Nho giáo đã hình thành nên một số đặc điểm riêng về lối sống của tầng lớp này như sự coi trọng tri thức (Nho học), sự rèn luyện và tuân thủ các giá trị đạo đức Nho giáo, lòng trung quân, sù mệnh truyền bá và thực hiện đường lối đức trị... Trong khuôn khổ xã hội phong kiến, tầng lớp này, với sứ mệnh của mình, chính là tầng lớp nêu gương về lối sống cho cộng đồng. Tuy nhiên, lối sống của họ cũng bị ràng buộc chặt chẽ bởi trình độ chung của lực lượng sản xuất xã hội và các mối quan hệ cộng đồng nên vẫn mang những đặc trưng cơ bản và phổ biến của lối sống nông dân thời kỳ phong kiến.

Sang thế kỷ XX, với sự chuyển đổi cơ cấu trong nền kinh tế chịu ảnh hưởng nhiều của phương thức sản xuất công nghiệp, với sự thay đổi chế độ chính trị trên từng phần lãnh thổ, với sự biến đổi cơ cấu xã hội theo cùng sự thay đổi về chính trị, giáo dục và kinh tế, lối sống của người dân Việt cũng có nhiều thay

đổi. Sự thiết lập hệ thống giáo dục Pháp, sự du nhập của văn hoá phương Tây và những thay đổi trong cơ cấu kinh tế-chính trị-xã hội đã hình thành nên các tầng lớp trí thức Tây học, tư sản, công chức, tiểu tư sản, công nhân với lối sống có đặc điểm tương tự với lối sống tư hữu Tây phương. Nền giáo dục được xây dựng theo mô hình Pháp càng giúp củng cố lối sống này. Mặc dù lối sống nông dân phong kiến vẫn phổ biến trong đại đa số dân cư nhưng tầng lớp tinh hoa Nho học làm gương đã mất đi và bị hệ giáo dục chính thống đả phá, tìm cách thay đổi. Sự pha trộn, biến đổi, thay thế giữa lối sống cũ và mới ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX đã tạo ra những xáo trộn về hệ thống chuẩn mực giá trị, tạo ra những bi hài kịch cả trên bình diện cuộc sống và văn hoá.

Tuy nhiên, theo thời gian và các sự biến xã hội, sự thắng thế của xu hướng xây dựng xã hội công nghiệp đã tạo thêm những đặc điểm mới trong lối sống của người Việt: tính kỷ luật, sự ưa chuộng tiện nghi, chí làm giàu, ham học hỏi,... Hệ thống giáo dục chính thức đã góp phần xây dựng lối sống tôn trọng luật pháp, ý thức công dân, đề cao các giá trị khoa học, bình đẳng, dân chủ và tư duy duy lý. Mục đích của nhà nước thực dân là dùng hệ thống giáo dục chính thức đào tạo nên những công chức, trí thức có lối sống cá nhân chủ nghĩa Tây phương, phụ thuộc và trung thành với nước mẹ Pháp, là tầng lớp tinh hoa mới dẫn dắt đời sống tinh thần dân tộc và từ đó làm thay đổi lối sống người Việt. Nhưng mục đích đó chỉ đạt được một phần và trong một bộ phận nhỏ những người được hưởng nền giáo dục Tây học. Tri thức khoa học phương

Tây, các giá trị văn hoá xã hội Tây phương du nhập vào Việt Nam được cộng hưởng với tinh thần dân tộc được hun đúc từ hàng ngàn năm đã tạo ra những trí thức mới vừa tiếp cận được với khoa học kỹ thuật tiên tiến vừa giàu lòng yêu nước, khát khao xây dựng một nước Việt Nam mới hiện đại và độc lập. Chính tầng lớp tinh hoa này khi được giác ngộ lý luận cách mạng tiên tiến đã trở thành lực lượng tiên phong chống lại ách thống trị của nhà nước Pháp. Mặc dù chịu quy định và bị tác động mạnh của chính trị nhưng rõ ràng tư duy giáo dục kiểu phương Tây thông qua hệ thống giáo dục nhà nước đã đóng vai trò định hướng và hỗ trợ tích cực tới việc hình thành lối sống của người Việt thời thuộc địa.

Nhà trường xã hội chủ nghĩa, hệ thống giáo dục toàn dân nhằm thực hiện mục đích giáo dục, đào tạo con người mới là nguồn nhân lực cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đã kế thừa những ưu điểm của hệ thống giáo dục Pháp xây dựng trên đất nước và bổ sung thêm những yếu tố mới về chương trình giảng dạy phù hợp với mục đích mới đó. Tư duy giáo dục xã hội chủ nghĩa về căn bản dựa trên lý tưởng về một xã hội phát triển cao độ cả về đời sống vật chất và tinh thần tới mức giai cấp và nhà nước đã tự tiêu vong, như là vương quốc của tự do. Trên cơ sở đó, kiểu tư duy giáo dục này hướng tới xây dựng hình mẫu con người mới cộng sản chủ nghĩa sống, chiến đấu, lao động quên mình vì lý tưởng cộng sản. Phương pháp giáo dục theo tư duy giáo dục mới này chủ yếu dựa vào giáo dục lý luận chính trị, giác ngộ lý tưởng sống cho mọi đối tượng, đặc biệt là trẻ em, từ đó thực

hiện mục đích đào tạo những thế hệ con người mới xã hội chủ nghĩa giàu lý tưởng, đủ năng lực và phẩm chất xây dựng xã hội lý tưởng. Rất nhiều thế hệ những con người mới được giáo dục, rèn luyện và trưởng thành theo định hướng của tư duy giáo dục xã hội chủ nghĩa đã làm nên lối sống thanh cao, quên mình vì mọi người, hi sinh quyền lợi cá nhân vì tập thể, vì dân tộc, vì lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, một số trong những vấn nạn của kiểu tư duy giáo dục này là mối quan hệ cá nhân với tập thể, cộng đồng và phương pháp giáo dục. Chính nhận thức chủ quan, duy ý chí, nóng vội và giản đơn về mối quan hệ giữa cá nhân với tập thể và phương pháp giáo dục chính trị trong hệ thống giáo dục đã tích tụ những hệ lụy liên đới tới nhiều phương diện văn hoá-xã hội khác và hiện tại chúng ta đang phải tháo gỡ. Mặc dù vậy, không thể phủ nhận tư duy giáo dục xã hội chủ nghĩa đã góp phần cổ vũ và tạo dựng nên một lối sống mới cho thanh niên Việt Nam giai đoạn 1960-1990.

Từ 1990 đến nay, sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế từ bao cấp xã hội chủ nghĩa sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, sự hội nhập ngày càng toàn diện vào các quá trình vận động kinh tế-chính trị-xã hội chung thế giới đã tác động sâu sắc tới mọi mặt đời sống đất nước, làm thay đổi đáng kể lối sống của người dân. Sự tác động mạnh mẽ của khoa học công nghệ hiện đại, những bài toán về phát triển, mặt trái của quá trình toàn cầu hoá... đã dẫn tới những thay đổi nhận thức về hệ giá trị trong đời sống cộng đồng, đặc biệt là trong giới trẻ. Hệ thống giáo dục đã không bắt kịp với những thay đổi mới của cuộc sống

bởi chưa có được một tư duy giáo dục mới đáp ứng yêu cầu mới của thời đại. Khủng hoảng về lối sống là chỉ báo hệ thống giáo dục hiện thời đã trở nên lạc hậu, không theo kịp được với những biến đổi của cuộc sống, không đáp ứng yêu cầu định hướng và tạo dựng một lối sống mới phù hợp với xu hướng phát triển của thời đại. Sự bất cập của hệ thống giáo dục hiện nay trong việc thực hiện chức năng trao truyền tri thức kinh nghiệm sống đã tạo ra khoảng cách lớn giữa giáo dục chính thống và không chính thống, dẫn tới sự bất cập trong mục đích giáo dục đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời đại mới. Tất cả điều đó là chỉ báo về sự lạc hậu của tư duy giáo dục trong việc vận hành hệ thống giáo dục chính thống phục vụ mục đích định hướng xây dựng lối sống mới. Đối mới tư duy giáo dục là nhu cầu tự thân và cấp thiết của xã hội hiện nay. Lối sống đóng vai trò chỉ báo hoàn cảnh có vấn đề của cuộc sống đối với sự vận động phát triển của tư duy giáo dục.

* * *

Như vậy, lối sống là chiều cạnh văn hoá của phương thức sống, được quy định bởi phương thức sống và những điều kiện lịch sử, văn hoá ổn định trong một thời gian đủ dài của một nhóm, một cộng đồng nhất định. Tư duy giáo dục như là suy tư về bản chất, chức năng, vai trò của giáo dục và phương thức thực hiện chức năng đó thông qua xây dựng đường lối, phương pháp, nội dung giáo dục. Tư duy giáo dục vì thế giữ vai trò định hướng, xây dựng, duy trì, củng cố lối sống của cộng đồng thông qua hệ thống giáo dục chính thức nhằm mục đích tối thượng là trao truyền tri thức

kinh nghiệm sống để bảo vệ sự tồn tại và phát triển của cộng đồng. Khi các điều kiện môi trường khách quan thay đổi sẽ dẫn tới sự khủng hoảng về lối sống đòi hỏi tư duy giáo dục phải đổi mới, nắm bắt được chiều hướng vận động của xã hội, phản ánh vào đường lối giáo dục chiến lược định hướng xây dựng một lối sống mới thích hợp với chiều hướng vận động phát triển đó của xã hội. Trong bất cứ xã hội nào, lối sống phù hợp với quy luật phát triển chung của cộng đồng sẽ được tư duy giáo dục định hướng, phổ biến và được củng cố bằng hệ thống giáo dục. Bất cứ hệ thống giáo dục nào cũng xây dựng một hình tượng lối sống để dẫn dắt cộng đồng. Nhưng khi lối sống rơi vào khủng hoảng thì biểu hiện trước hết là sự suy giảm giá trị của hình tượng điển hình và đó là chỉ báo đòi hỏi tư duy giáo dục phải thay đổi theo hướng tiếp cận tới xu hướng vận động mới của xã hội, từ đó xác lập chiến lược giáo dục mới phù hợp với thực tại mới.

Và để xây dựng một tư duy giáo dục mới đáp ứng xu hướng vận động mới của xã hội như trên đã phân tích thì một lần nữa cần nhắc lại rằng: Tư duy giáo dục mới phải dựa trên những căn cứ lý luận và thực tiễn nền tảng về:

- Sự đánh giá chính xác lại toàn bộ nền giáo dục trước đó.
- Sự xác định những mục tiêu giáo dục đảm bảo tính lâu dài và phù hợp với xu hướng phát triển khách quan của đất nước trong tương quan với chiều hướng vận động thế giới.
- Sự xây dựng đường lối giáo dục rõ ràng và khoa học.
- Sự xác định phương thức giáo dục

phù hợp với đường lối và mục tiêu giáo dục trên cơ sở vận dụng tri thức khoa học và công nghệ tiên tiến để xây dựng các hình thức giáo dục mới.

Chỉ có tư duy giáo dục được hình thành trên những nền tảng nhận thức khoa học mới như vậy mới đủ sức dẫn dắt một nền giáo dục chính thức bắt kịp với yêu cầu định hướng lối sống mới của cộng đồng trong cuộc sống hiện đại và của sự phát triển đất nước trong thời đại mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Quang Thắng. Khoa cử và giáo dục Việt Nam. H.: Văn hoá- Thông tin, 1993.
2. Nguyễn Hoàng Lương, Phạm Hồng Tung (chủ biên). Tài năng và đức dụng. H.: Chính trị quốc gia, 2008.
3. Nguyễn Tài Thư (chủ biên). Lịch sử tư tưởng Việt Nam. Tập 1. H.: Khoa học xã hội, 1993.
4. Trần Văn Giàu. Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám. Tập II. Hệ ý thức tư sản và sự bất lực của nó trước các nhiệm vụ lịch sử. H.: Chính trị quốc gia, 1997.
5. Đoàn Trung Còn dịch. Tứ thư. Đại học-Trung dung. Sài Gòn: Trí Đức, 1950.
6. Phạm Hồng Tung (chủ biên). Khảo lược về kinh nghiệm phát hiện, đào tạo và sử dụng nhân tài trong lịch sử Việt Nam. H.: Đại học Quốc gia, 2005.
7. Trần Nguyên Việt (chủ biên). Lịch sử tư tưởng Việt Nam. Văn tuyển. H.: Chính trị quốc gia. Tập 1 (2002). Tập 2 (2004).
8. John Dewey. Dân chủ và giáo dục. (Phạm Anh Tuấn dịch). H.: Tri thức, 2008.
9. Bộ Khoa học và Công nghệ, Chương trình KX03/06-10. Kỷ yếu hội thảo khoa học “Cơ sở lý luận và phương pháp luận nghiên cứu văn hoá và con người Việt Nam”, H.: 2008.
10. Phan Trọng Báu. Giáo dục Việt Nam thời cận đại. H.: Khoa học xã hội, 1994.
11. Trương Bá Cần. Nguyễn Trường Tộ- Con người và di thảo. Tp. Hồ Chí Minh: Thành phố Hồ Chí Minh, 1991.
12. <http://www.dantri.com.vn/giaoduc-khuyenhoc>.
13. <http://www.chungta.com/Giaoduc/Giaoduc-VietNam>.